

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 31 tháng 03 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 119 sinh viên trình độ Đại học, hình thức đào tạo chính quy.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *uha*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- PHNT, P.KHTC (phối hợp thực hiện);
- TT.HTSV&QHĐN (tổ chức Lễ tốt nghiệp);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 1263 /QĐ-ĐHNL, ký ngày 31/3/2025 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH17CC								
1	17118054	Phan Chí	Linh	18/09/1999	Nam	2.65	Khá	665/2025/DHCQ_NLU
DH18OT								
1	18154061	Chu Phú	Lân	29/05/2000	Nam	2.70	Khá	666/2025/DHCQ_NLU
DH19NL								
1	19137033	Nguyễn Duy	Khánh	24/05/2001	Nam	2.36	Trung bình	667/2025/DHCQ_NLU
2	19137062	Nguyễn Đăng	Tân	17/10/2001	Nam	2.56	Khá	668/2025/DHCQ_NLU
DH19OT								
1	19154145	Hồ Phan Long	Thành	07/08/2001	Nam	2.49	Trung bình	669/2025/DHCQ_NLU
DH20CC								
1	20118165	Trần Văn	Hiếu	21/06/2002	Nam	2.77	Khá	670/2025/DHCQ_NLU
DH20CK								
1	20118224	Phan Thành	Phát	21/08/2002	Nam	2.60	Khá	670/2025/DHCQ_NLU
DH20OT								
1	20154097	Nguyễn Tấn	Danh	04/11/2002	Nam	2.58	Khá	671/2025/DHCQ_NLU
DH20TD								
1	20138091	Nguyễn Đức	Khải	22/03/2002	Nam	2.41	Trung bình	672/2025/DHCQ_NLU
2	20138108	Trần Nguyễn Trường	Phi	14/01/2002	Nam	2.77	Khá	673/2025/DHCQ_NLU
Chăn nuôi Thú Y								
DH17TT								
1	17112276	Dương Văn	Minh	19/01/1999	Nam	2.72	Khá	674/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	17112288	Lâm Thái	Linh	13/04/1999	Nữ	2.75	Khá	675/2025/DHCQ_NLU
DH18TT								
1	18112059	Trần Diệu	Hạnh	03/12/1999	Nữ	3.20	Giỏi	677/2025/DHCQ_NLU
2	18112098	Lưu Trần Khánh	Linh	20/09/2000	Nữ	2.56	Khá	676/2025/DHCQ_NLU
DH18TY								
1	18112088	Đoàn Nguyễn Phước	Khang	13/04/2000	Nam	2.40	Trung bình	678/2025/DHCQ_NLU
DH19TT								
1	19112264	Nguyễn Quang	Minh	07/11/2001	Nam	3.01	Khá	681/2025/DHCQ_NLU
2	19112270	Hoàng	Ngọc	09/09/2001	Nam	2.84	Khá	679/2025/DHCQ_NLU
3	19112280	Vũ Phạm Anh	Thư	08/06/1999	Nữ	3.45	Giỏi	682/2025/DHCQ_NLU
4	19154094	Nguyễn Văn	Minh	15/12/2001	Nam	2.92	Khá	680/2025/DHCQ_NLU
DH20CN								
1	20111239	Ngô Thanh	Minh	30/12/2001	Nam	2.38	Trung bình	683/2025/DHCQ_NLU
DH20TA								
1	20111323	Trần Nhã	Tú	11/02/2002	Nữ	2.79	Khá	684/2025/DHCQ_NLU
Kinh tế								
DH18KE								
1	18123087	Nguyễn Thị Phương	Nhi	15/04/2000	Nữ	2.73	Khá	685/2025/DHCQ_NLU
DH18KEGL								
1	18123203	Trần Thị	Thúy	01/02/2000	Nữ	2.19	Trung bình	686/2025/DHCQ_NLU
2	18124188	Đặng Nguyễn Phương	Uyên	05/03/2000	Nữ	2.55	Khá	687/2025/DHCQ_NLU
DH19KT								
1	19120236	Đặng	Tuấn	13/01/2001	Nam	2.53	Khá	688/2025/DHCQ_NLU
DH19TC								
1	19122095	Lê Thị	Lài	20/11/2001	Nữ	3.13	Khá	689/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20KM								
1	20120343	Đinh Nhật	Vũ	03/07/2002	Nam	2.85	Khá	690/2025/DHCQ_NLU
DH20KN								
1	20163126	Cao Lê Hoàng	Nguyệt	13/06/2002	Nữ	2.78	Khá	691/2025/DHCQ_NLU
DH20QT								
1	20122575	Đoàn Văn Anh	Tú	01/06/2002	Nam	2.66	Khá	692/2025/DHCQ_NLU
DH20QTC								
1	20122387	Nguyễn Trần Công	Minh	20/07/2002	Nam	2.58	Khá	693/2025/DHCQ_NLU
DH20TM								
1	20122285	Nguyễn Văn	Duy	11/07/2002	Nam	3.10	Khá	694/2025/DHCQ_NLU
DH21KM								
1	21120390	Trần Kim	Hoàng	16/11/2003	Nữ	2.98	Khá	695/2025/DHCQ_NLU
DH21KT								
1	21120346	Đinh Thị Xuân	Đào	08/12/2003	Nữ	3.50	Giỏi	699/2025/DHCQ_NLU
2	21120399	Phạm Thị Ngọc	Huyền	12/02/2003	Nữ	3.31	Giỏi	697/2025/DHCQ_NLU
3	21120476	Phạm Hữu	Phát	14/07/2003	Nam	3.49	Giỏi	698/2025/DHCQ_NLU
4	21120509	Nguyễn Thị Minh	Tâm	22/06/2003	Nữ	3.18	Khá	696/2025/DHCQ_NLU
DH21QT								
1	21122689	Nguyễn Thanh Trúc	Quỳnh	01/12/2003	Nữ	3.72	Xuất sắc	701/2025/DHCQ_NLU
2	21122729	Phạm Thị Minh	Thư	28/10/2003	Nữ	3.50	Giỏi	700/2025/DHCQ_NLU
DH21TM								
1	21122527	Nguyễn Kim Thùy	Duyên	25/05/2003	Nữ	3.45	Giỏi	702/2025/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp								
DH19LNGL								
1	19114046	Điền	Phong	28/03/1999	Nam	2.73	Khá	707/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20GN								
1	20115215	Trần Hào	Kiệt	16/09/2002	Nam	3.35	Giỏi	708/2025/DHCQ_NLU
DH20QR								
1	20164020	Khuất Hoàng Đức	Huy	09/09/2002	Nam	2.77	Khá	709/2025/DHCQ_NLU
2	20164044	Thân Thị Như	Ý	04/07/2002	Nữ	3.05	Khá	710/2025/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên								
DH18QM								
1	18149038	Võ Thành	Long	31/08/2000	Nam	2.22	Trung bình	711/2025/DHCQ_NLU
DH19MT								
1	19127046	Nguyễn Hữu	Tài	24/01/2001	Nam	2.61	Khá	712/2025/DHCQ_NLU
DH19QM								
1	19149066	Lưu Thị Bích	Như	13/07/2001	Nữ	2.47	Trung bình	713/2025/DHCQ_NLU
2	19149068	Đinh Thị Thúy	Oanh	16/12/2001	Nữ	2.53	Khá	714/2025/DHCQ_NLU
DH20HM								
1	20166024	Phạm Huy	Đăng	27/01/2002	Nam	3.19	Khá	719/2025/DHCQ_NLU
2	20166036	Phạm Nguyễn Minh	Khôi	08/10/2002	Nam	2.95	Khá	717/2025/DHCQ_NLU
3	20166051	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/07/2002	Nữ	3.04	Khá	718/2025/DHCQ_NLU
4	20166055	Đoàn Hồng	Quang	26/03/2002	Nam	2.75	Khá	715/2025/DHCQ_NLU
5	20166072	Hoàng Quốc	Vinh	16/07/2002	Nam	2.91	Khá	716/2025/DHCQ_NLU
Nông học								
DH19NHB								
1	19113117	Thạch Phan Nha	Nhiệne	29/08/2001	Nam	2.95	Khá	720/2025/DHCQ_NLU
DH20BV								
1	20145136	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/05/2002	Nữ	3.29	Giỏi	721/2025/DHCQ_NLU
2	20145164	Tổng Phan Anh	Thư	12/09/2001	Nữ	3.40	Giỏi	722/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20NHA								
1	20113286	Nguyễn Thị	Nga	02/08/2002	Nữ	2.39	Trung bình	723/2025/DHCQ_NLU
DH20NHB								
1	20113309	Âu Huỳnh Hồng	Phúc	30/05/2002	Nữ	2.91	Khá	724/2025/DHCQ_NLU
DH20NHGL								
1	20112449	Phạm Thị Như	Nguyệt	15/01/2002	Nữ	2.64	Khá	725/2025/DHCQ_NLU
DH21NHA								
1	21113036	Hồ Thị Thùy	Linh	16/11/2003	Nữ	3.28	Giỏi	727/2025/DHCQ_NLU
2	21113082	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	08/04/2003	Nữ	3.62	Xuất sắc	730/2025/DHCQ_NLU
3	21113176	Phạm Trường	Giang	01/09/2003	Nam	2.64	Khá	726/2025/DHCQ_NLU
4	21113214	Phạm Thị Thanh	Liều	08/03/2003	Nữ	3.29	Giỏi	728/2025/DHCQ_NLU
5	21113216	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/07/2003	Nữ	3.52	Giỏi	729/2025/DHCQ_NLU
DH21NHC								
1	21113331	Nguyễn Anh	Trường	14/09/2003	Nam	2.89	Khá	731/2025/DHCQ_NLU
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH20AV								
1	20128233	Đỗ Thị Huỳnh	Như	20/11/2002	Nữ	2.56	Khá	703/2025/DHCQ_NLU
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH19QL								
1	19124326	Thân Thị Tường	Vi	02/01/2001	Nữ	2.96	Khá	732/2025/DHCQ_NLU
DH20QD								
1	20124475	Phan Phương	Thanh	21/10/2002	Nữ	3.04	Khá	733/2025/DHCQ_NLU
DH20QL								
1	20124259	Hoàng Đức	Anh	02/09/2002	Nam	2.65	Khá	738/2025/DHCQ_NLU
2	20124331	Võ Thị Mai	Hương	12/01/2002	Nữ	2.57	Khá	737/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20124373	Mai Phương Thảo	Ly	13/12/2002	Nữ	2.85	Khá	739/2025/DHCQ_NLU
4	20124508	Khổng Tân	Tiến	08/07/2002	Nam	2.56	Khá	736/2025/DHCQ_NLU
5	20124543	Nguyễn Minh	Tuấn	19/12/2002	Nam	2.44	Trung bình	734/2025/DHCQ_NLU
6	20124553	Lê Xuân	Vũ	21/02/2002	Nam	2.54	Khá	735/2025/DHCQ_NLU
DH21QL								
1	21124352	Nguyễn Hà Mỹ	Hiệp	25/02/2003	Nữ	3.37	Giỏi	740/2025/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH17SHA								
1	17126082	Nguyễn Hoàng	Mỹ	27/02/1999	Nam	2.75	Khá	704/2025/DHCQ_NLU
DH18SHA								
1	18126147	Nguyễn Minh	Tây	31/08/1999	Nam	2.95	Khá	705/2025/DHCQ_NLU
DH19SHC								
1	19126254	Trần Trọng	Nhân	02/10/2001	Nam	2.61	Khá	706/2025/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH17DTB								
1	17130094	Nguyễn Nguyên	Khang	20/04/1999	Nam	2.23	Trung bình	659/2025/DHCQ_NLU
DH19DTB								
1	19130245	Võ Nguyễn Minh	Triết	09/03/2001	Nam	2.09	Trung bình	660/2025/DHCQ_NLU
DH20DTA								
1	20130072	Dương Duy	Mến	10/02/2001	Nam	2.73	Khá	663/2025/DHCQ_NLU
2	20130203	Phạm Thanh	Biên	25/11/2002	Nam	2.35	Trung bình	662/2025/DHCQ_NLU
3	20130388	Huỳnh Anh	Tài	02/07/2002	Nam	2.26	Trung bình	661/2025/DHCQ_NLU
DH20DTB								
1	20130419	Nguyễn Thị Hoài	Thu	03/03/2002	Nữ	2.31	Trung bình	664/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH17HS								
1	17139126	Nguyễn Công	Tạo	10/05/1999	Nam	3.01	Khá	625/2025/DHCQ_NLU
DH18HD								
1	18139162	Phan Thị Thu	Quỳnh	06/09/2000	Nữ	2.82	Khá	626/2025/DHCQ_NLU
DH18HS								
1	18139021	Nguyễn Tấn	Đạt	13/04/2000	Nam	2.88	Khá	627/2025/DHCQ_NLU
DH19VT								
1	19125216	Lê Thị	Ngọc	13/08/2001	Nữ	2.91	Khá	628/2025/DHCQ_NLU
2	19125270	Nguyễn Thị	Ninh	17/09/2001	Nữ	2.99	Khá	629/2025/DHCQ_NLU
DH20BQ								
1	20125806	Trần Thị Tường	Vi	15/03/2002	Nữ	2.62	Khá	630/2025/DHCQ_NLU
DH20BQC								
1	20125535	Phan Thị Thu	Nga	22/02/2002	Nữ	2.89	Khá	631/2025/DHCQ_NLU
DH20DD								
1	20125494	Nguyễn Đức	Lộc	04/09/2002	Nam	2.76	Khá	632/2025/DHCQ_NLU
DH20HS								
1	20139268	Dương Ngọc	Nghi	15/10/2002	Nam	3.08	Khá	633/2025/DHCQ_NLU
DH20VT								
1	20125458	Phạm Thị Diễm	Khương	06/03/2002	Nữ	2.98	Khá	634/2025/DHCQ_NLU
2	20125504	Bùi Tấn	Lực	25/06/2002	Nam	3.21	Giỏi	635/2025/DHCQ_NLU
DH21BQ								
1	21125363	Phan Thị Ngọc	Thi	23/12/2003	Nữ	2.94	Khá	638/2025/DHCQ_NLU
2	21125371	Võ Thị Thu	Thoan	12/11/2003	Nữ	3.43	Giỏi	644/2025/DHCQ_NLU
3	21125380	Huỳnh Thị Anh	Thư	13/05/2003	Nữ	2.63	Khá	636/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	21125404	Đỗ Thị Thanh	Thúy	14/06/2003	Nữ	3.09	Khá	640/2025/DHCQ_NLU
5	21125405	Lê Thị Thanh	Thúy	06/03/2003	Nữ	3.20	Giỏi	641/2025/DHCQ_NLU
6	21125441	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/06/2003	Nữ	3.31	Giỏi	642/2025/DHCQ_NLU
7	21129542	Nguyễn Lan	Anh	26/09/2003	Nữ	3.39	Giỏi	643/2025/DHCQ_NLU
8	21129766	Trần Thị Trà	My	01/04/2003	Nữ	2.66	Khá	637/2025/DHCQ_NLU
9	21129871	Hoàng Thị	Phượng	16/10/2003	Nữ	3.01	Khá	639/2025/DHCQ_NLU
DH21DD								
1	21125105	Huỳnh Thị Kim	Hiền	28/03/2003	Nữ	3.17	Khá	647/2025/DHCQ_NLU
2	21125126	Đoàn Thị Thu	Hương	13/11/2003	Nữ	3.53	Giỏi	655/2025/DHCQ_NLU
3	21125245	Phạm Bích	Ngọc	19/02/2003	Nữ	3.55	Giỏi	656/2025/DHCQ_NLU
4	21125279	Nguyễn Thị Phi	Nhung	23/03/2003	Nữ	3.47	Giỏi	653/2025/DHCQ_NLU
5	21125448	Võ Hữu	Trí	20/09/2003	Nam	3.26	Giỏi	650/2025/DHCQ_NLU
6	21125478	Nguyễn Ngọc	Tuyết	21/05/2003	Nữ	3.10	Khá	646/2025/DHCQ_NLU
7	21125490	Châu Đình	Văn	06/09/2003	Nam	3.68	Xuất sắc	657/2025/DHCQ_NLU
8	21129742	Nguyễn Hữu	Lực	11/07/2003	Nam	3.24	Giỏi	649/2025/DHCQ_NLU
9	21129800	Mai Lan	Vy	21/03/2003	Nữ	3.75	Xuất sắc	658/2025/DHCQ_NLU
10	21129834	Nguyễn Trần Yến	Nhi	08/03/2003	Nữ	3.24	Giỏi	648/2025/DHCQ_NLU
11	21129851	Trần Ngọc Quỳnh	Như	16/12/2003	Nữ	3.39	Giỏi	652/2025/DHCQ_NLU
12	21129919	Lại Xuân	Thảo	21/04/2003	Nữ	3.36	Giỏi	651/2025/DHCQ_NLU
13	21129954	Từ Minh	Thuận	12/03/2003	Nam	3.48	Giỏi	654/2025/DHCQ_NLU
14	21129975	Huỳnh Nguyễn Thùy	Tiên	02/12/2003	Nữ	3.08	Khá	645/2025/DHCQ_NLU
Thủy sản								
DH14CT								
1	14117136	Lê Thị	Vân	15/05/1996	Nữ	2.48	Trung bình	741/2025/DHCQ_NLU
DH19CT								
1	19117008	Bùi Hữu	Chí	19/06/2001	Nam	2.72	Khá	742/2025/DHCQ_NLU



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn